

Bản án số: 35/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 10/12/2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Hương

Bà Nguyễn Thị Như Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Huy Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 10/12/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụL số: 138/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện X, tỉnh Thái Bình

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Viết M**, sinh năm 1983

3. *Người làm chứng:* Bà **Đào Thị T**, sinh năm 1953

Đều ở địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện X, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Viết M tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện X vào ngày 28/12/2012. Sau khi kết hôn chị và anh M chỉ chung sống cùng nhau được khoảng 7 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh M không chịu khó lao động, thiếu trách nhiệm với chị, nên chị đã về nhà bố mẹ để ở, sống ly thân với anh M từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị không còn tình cảm với anh M, không trở về đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh M có một con chung tên Nguyễn Viết M T, sinh ngày 27/3/2014, anh M không có trách nhiệm với con nên chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh góp tiền cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh M cố tình không đến làm việc theo giấy báo, cũng không có ý kiến về các nội dung khởi kiện của chị L.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của anh M) trình bày: Sau khi kết hôn, chị L chung sống cùng anh M được khoảng 7 tháng rồi bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, nguyên nhân do tính tình không hợp. Anh M biết việc chị L xin ly hôn và cũng nhất trí. Về con chung hiện nay anh M đang phải trực tiếp nuôi dưỡng con riêng nhưng chủ yếu do bà chăm sóc, vì vậy bà đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Viết M T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M đi làm lao động tự do, thỉnh thoảng vẫn về nhà, bà nhận các văn bản của Tòa án gửi cho anh M và cam kết sẽ thông báo lại nội dung cho anh M biết.

Kết quả xác M tại UBND xã V, huyện X thể hiện: Anh M và chị L sau khi kết hôn chỉ chung sống được thời gian ngắn, rồi chị L về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, nguyên nhân là do anh M ham chơi. Địa phương thấy anh chị không có khả năng trở về đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn theo nguyện vọng. Hiện anh M đang phải trực tiếp nuôi dưỡng con riêng, nên giao con chung Nguyễn Viết M T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị xử cho chị L được ly hôn anh M; về con chung giao con chung Nguyễn Viết M T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh M góp tiền cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung không giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Viết M có nơi cư trú tại xã V, huyện X nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Viết M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh M tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện X vào ngày 28/12/2012 -là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, cả hai đều không còn muốn cùng nhau xây dựng hạnh phúc

gia đình nên mặc dù cả thời gian dài chị L về nhà bố mẹ đẻ trong cùng một xã ở nhưng không có sự liên lạc, quan tâm tới nhau, nay chị L xin ly hôn anh M cũng nhất trí. Như vậy cho thấy anh chị không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, quan điểm của Kiểm sát viên, xử cho chị được ly hôn anh M là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Cháu Nguyễn Viết M T do chị L trực tiếp chăm sóc từ nhỏ, anh M thường đi làm xa nhà lại đang phải nuôi dưỡng con riêng nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cần giao con chung Nguyễn Viết M T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đúng với quy định tại các điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh M góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị L, anh M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[6] Về tài sản và nợ chung: Chị L khai không có, Tòa án không ghi được lời khai của anh M nên không giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Viết M.

2.Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Viết M T, sinh ngày 27/3/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc

không yêu cầu anh M góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh M có quyền thăm nom con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Không giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001711 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu: hồ sơ, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị M Huệ